BÀI KIỂM TRA

Bài tập 1: Đặt các trạng từ chỉ tần suất vào vị trí đúng ở câu

1. He plays golf on Sundays **(sometimes)**

_____

2. The weather is bad in November. **(always)**

_____

3. We have fish for dinner. **(seldom)**

_____

4. Peter doesn't get up before seven. **(usually)**

_____

5. They watch TV in the afternoon **(never)**

_____

Bài tập 2: Chia động từ thường thích hợp vào ô trống sau:

1) They (study) …… English on Tuesday.

2) He (cook) ……on Tuesday.

3) I (wash) ……the car on Wednesday.

4) Monica (eat) …… eggs.

5) We (take) …… pictures of birds.

6) They (talk) ……about cars.

7) He (think) ……about school.

8) She (play) …… soccer.

9) It (rain) …… here a lot.

LIVEWORKSHEETS

10) I (like) …… chocolate.

Bài tập 3. Chọn đáp án A,B,C,D:

1.I ……. like tea.

A. am

B. is

C. don't

D. not

2. He ……. football in the afternoon.

3. She (not study) ……. on Saturday

A. doesn't study

B. don't study

C. not studies

D. Doesn't study ?

3. My sister (wash)…….dishes every day.

A.washs

B.washes

C.don't wash

D.is washing

4.Viết lại câu hoàn chỉnh: They / wear suits to work / ?

5. Where (be) ……your children ?

A. are

B. be

C. is

D. am

6. Câu sau đúng hay sai:

Do you stayed with your friends ?

A.True

B. False

7.Câu sau đây đúng hay sai:

The students take the bus to school every morning.

A.True

LIVEWORKSHEETS

B. False

8.Câu sau đây đúng hay sai:

Harry don't take a nap every day.

A.True

B.False

9. Câu sau đúng hay sai:

My father doesn't work at weekends.

A.True

B.False

10.Hoàn chỉnh câu:

What time /Bob /have dinner/?

A.What time does Bob have dinner ?

B.What time do Bob have dinner ?

C.What time do Bob has dinner ?

D.What time does Bob has dinner ?

11. Hãy nêu một số động từ Tobe dùng trong thì hiện tại đơn mà em biết ?

(Được phép chọn nhiều đáp án)

A.Am; is

B.are

C.he

D.will

12. I ..... a doctor

A.is

B.are

C.be

D.will

E.am

13.Where ..... he work ?

A.do

B.is

C.does

D.am

LIVEWORKSHEETS

14. ..... she play the piano ?

A.Do

B.Does

C.Is

D.x

15. Thì hiện tại đơn (Present simple) dùng để:

A. Diễn đạt một thói quen hoặc hành động lặp đi lặp lại trong hiện tại

B. Những sự việc diễn ra ngay tại thời điểm nói.

16. Thì hiện tại đơn (Present simple) có trạng từ nào dùng kèm?

A.now, at the moment, right now, today. at present

B.every day, every month, every year, in the morning, at 6 o'clock,never, always, usually, often,

17. Dat.....early in the morning.

A.get up

B.goes to bed

C.get ups

D.don't get up

E.gets up

18.my mother.....every day.

A.do exercise

B.do exercises

C.does exercise

19.**They.....in the morning.**

A.reads a newspaper

B.read a newspapers

C.read a newspaper

20.My uncle is a doctor. He .....in a hospital every day.

A.work

B.works

C.don't work

21.Nhi.....brush her teeth every night.

A.doesn't

B.does

LIVEWORKSHEETS

C.don't

22.Trong câu khẳng định (Affirmatives) của Thì hiện tại đơn (Present Simple tense), động từ nguyên mẫu (V) --> go, play, eat, drink, get, ... đi kèm với chủ ngữ nào sau đây?

A. He, She, It, Leo, Amy, My dad, His mom, Her brother

B. I, You, We, They, Leo and Amy, His children

23.**Trong câu khẳng định (Affirmative) của Thì hiện tại đơn (Present Simple tense), động từ thêm -es (V-es) --> goes, watches, washes, flies, fixes, ... đi kèm với chủ ngữ nào sau đây?**

A.He, She, It, Leo, Amy, My dad, His mom, Her brother

B.I, You, We, They, Leo and Amy, His children

24. Trong câu khẳng định (Affirmatives) của Thì hiện tại đơn (Present Simple tense), động từ thêm -s (V-es) --> gets, drinks, helps, reads, sleeps, talks, eats, ... đi kèm với chủ ngữ nào sau đây?

A.He, She, It, Leo, Amy, My dad, His mom, Her brother

B.I, You, We, They, Leo and Amy, His children

25.....Nhi and Dat send email every day?

A.Does

B.Are

C.Do

26.Dung always _____ at 6 o'clock.

A.have breakfast

B.is

C.has breakfast

27.Khang _____ dinner with his grandparents on Saturdays.

A.have

B.has

C.having

28.My brother sometimes _____ swimming at the weekend.

A.going

B.goes

C.go

29.We _____ TV in the living room every day.

A.watches

B.watch

LIVEWORKSHEETS

C.watching

30. she.....pretty.

A.does

B.is

C.do

LIVEWORKSHEETS